

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **101/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 15-9 -2023

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Cang và ông Trần Ngọc Hoàng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Võ Đức Vũ Tài – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:*** bà Trần Thị Hải Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 325/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2023/QĐXX-ST ngày 28/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Lê Duy T**, sinh năm 1983; Địa chỉ: **2 L, Phường H, thành phố T, tỉnh Phú Yên**. Có mặt.

- Bị đơn: **Võ Thị Thanh B**, sinh năm 1987; Địa chỉ: **C T, Phường A, Tp ., tỉnh Phú Yên**. Có mặt.

- Người làm chứng: Bà **Lý Thị Hồng C**, sinh năm 1958; Địa chỉ: **Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn **Lê Duy T** trình bày: Qua mai mối giữa gia đình hai bên, anh kết hôn với chị **Võ Thị Thanh B** vào năm 2015 tại **UBND phường H1, thành phố T, tỉnh Phú Yên**. Hôn nhân tự nguyện, khi cưới nhau về thì ở nhà anh tại **2 L, Phường H, T, Phú Yên**. Quá trình chung sống có 02 con chung tên **Lê Võ Thùy L**, sinh ngày 17/02/2016 và **Lê Võ Thùy L1**, sinh ngày 17/02/2016. Trong quá trình chung sống, vợ chồng cũng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống và không hạnh phúc, nguyên nhân do vợ không cho gần gũi vợ chồng và còn nhiều vấn đề khác. Bản thân anh làm công việc quản lý công trình nên thường xuyên vắng nhà, chủ yếu theo công trình nên việc chăm sóc gia đình, nuôi dạy con cái là do chị **B** đảm trách. Tuy nhiên, anh không còn tình cảm

với vợ, đã hơn 01 năm nay, vợ chồng sống ly thân, không gần gũi, quan tâm, chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu xin ly hôn.

*Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên **Lê Võ Thùy L**, sinh ngày 17/02/2016 và **Lê Võ Thùy L1**, sinh ngày 17/02/2016. Hiện nay, hai cháu đang ở với mẹ. Khi ly hôn, anh **T** đồng ý giao các con chung cho mẹ nuôi, cấp dưỡng các con trong khả năng của mình. Bản thân anh hiện tại không có việc làm và bị chấn thương mắt trái nên thu nhập khó khăn.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung. Nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn **Võ Thị Thanh B** trình bày: Thống nhất nội dung trình bày của nguyên đơn về thời gian kết hôn, nơi kết hôn và quá trình chung sống. Bản thân chị không đồng ý ly hôn vì ảnh hưởng đến nhân cách của các con, các cháu bị sang chấn tâm lý. Chị vẫn đối xử tốt với chồng và cha mẹ chồng. Cuối tuần, chị vẫn chở các con về nhà ông bà nội chơi. Anh **T** thì thời gian ở công trình nhiều hơn ở nhà, không để chị có cơ hội để hàn gắn kết tình cảm, chị vẫn tôn trọng chồng, làm tròn bổn phận của người vợ. Anh **T** đi công trình thường xuyên vắng nhà, chuyện chăm sóc con cái, lo hai bên gia đình đều do chị quán xuyến, không được sự phụ giúp từ chồng nên cũng rất áp lực do đó, thỉnh thoảng cũng có những lúc nóng giận. Nhưng chị cho rằng là trách nhiệm của người phụ nữ nên chấp nhận, chị vẫn còn thương chồng, thương con nên yêu cầu cho đoàn tụ, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, có 02 con chung tên **Lê Võ Thùy L**, sinh ngày 17/02/2016 và **Lê Võ Thùy L1**, sinh ngày 17/02/2016. Hiện nay, hai cháu đang ở với mẹ.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung. Nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Người làm chứng bà **Lý Thị Hồng C** trình bày: Bà là mẹ ruột của nguyên đơn **Lê Duy T**. Hai vợ chồng **T** do hai bà mẹ quen biết nhau nên giới thiệu, sau đó các con tự nguyện kết hôn, về ở nhà bà tại **2 L, Phường H, T, Phú Yên**. Vợ chồng **T, B** có con chung là các cháu **Lê Võ Thùy L**, sinh ngày 17/02/2016 và **Lê Võ Thùy L1**, sinh ngày 17/02/2016. Các cháu ở phía nhà ngoại tại **C T** để tiện việc chăm sóc và học hành. **T** làm cho công ty gia đình bà, công việc tại công trình thì thường xuyên vắng nhà. Bản thân bà nhận thấy con dâu hiền lành. Việc ly hôn ảnh hưởng đến hạnh phúc của gia đình các con, các cháu bà nên bà yêu cầu Tòa án xem xét tình lý để bảo vệ hạnh phúc gia đình.

Hiện nay, vợ chồng bà đang ở tại **Đ, H, P** cùng con trai tôi **Lê Duy T**. Các cháu **L1, L** ở nhà ngoại để thuận tiện sinh hoạt ổn định, học hành. Cuối tuần, các cháu được mẹ chở về chơi với ông bà nội. Ông bà tôn trọng các con nhưng nếu ly hôn thì phải xem xét đến hoàn cảnh của con dâu bà, các cháu của bà và có cách nào xử lý người thứ ba xen vào hạnh phúc gia đình của các con bà.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với bị đơn **B**. Đồng ý giao các con chung cho mẹ nuôi, cấp dưỡng nuôi con trong khả năng của mình. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn **B**: Không đồng ý ly hôn, yêu cầu cho vợ chồng hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Các bên mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, vẫn khả năng hàn gắn hạnh phúc, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; Về con chung: đề nghị không xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên đề nghị không xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn **Lê Duy T** yêu cầu giải quyết tranh chấp ly hôn với bị đơn **Võ Thị Thanh B** có địa chỉ tại **C T, Phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên**. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn **Lê Duy T** và bị đơn **Võ Thị Thanh B** tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân Phường H1, thành phố T, Phú Yên**, cấp GCN kết hôn số 07/2015 ngày 03/02/2015 nên là hôn nhân hợp pháp.

[3] Nguyên đơn trình bày vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống và không hạnh phúc, nguyên nhân do vợ không cho gần gũi vợ chồng và còn nhiều vấn đề khác. Đã hơn 01 năm nay, vợ chồng sống ly thân, không gần gũi, quan tâm, chăm sóc nhau nên yêu cầu ly hôn. Bị đơn **B** trình bày vợ chồng không có mâu thuẫn gì, chị vẫn làm tròn bổn phận của người vợ, người mẹ, người con dâu. Bị đơn vẫn còn tình cảm với chồng nên không đồng ý ly hôn, muốn vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau chăm sóc các con, gia đình êm ấm.

[4] Xét giữa nguyên đơn, bị đơn quen nhau, tìm hiểu nhau do mai mối nhưng đã tự nguyện đến với nhau, đăng ký kết hôn và trong quá trình chung sống có 02 con chung. Trong quá trình nguyên đơn đi làm công trình xa nhà, ít có thời gian bên vợ con thì bị đơn vẫn chu toàn công việc gia đình, lo lắng, chăm sóc cho các con, tình cảm gia đình nội ngoại hai bên cũng vẫn gắn bó, không xảy ra mâu thuẫn gì. Nguyên đơn cũng thừa nhận thời gian đi làm bên ngoài nhiều, mọi việc chăm sóc gia đình và các con chủ yếu do bị đơn chăm lo. Bị đơn vẫn tận tụy chăm sóc con cái, vun vén hạnh phúc gia đình dù cho nguyên đơn đi làm xa, thời gian để chăm sóc cho gia đình ít ỏi. Người làm chứng bà **H** là mẹ ruột của nguyên đơn và mẹ chồng của bị đơn cũng trình bày bị đơn hiền lành, đối xử tốt với chồng và gia đình nhà chồng, yêu cầu Tòa án xem xét để bảo vệ hạnh phúc gia đình các con và các cháu bà. Như vậy, quan hệ giữa các bên đương sự chưa đến mức trầm trọng, vẫn còn cơ hội để hàn gắn, cùng nhau chăm sóc hạnh phúc gia đình nên việc anh **T** yêu cầu xin ly hôn với chị **B** là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Lê Duy T** về việc xin ly hôn với bị đơn **Võ Thị Thanh B** vì không có căn cứ.

1. *Về án phí HNGĐ-ST:* Nguyên đơn **Lê Duy T** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0009920 ngày 02/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Nguyên đơn **T** đã nộp đủ.

2. *Quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS Tp. Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ngọc Uyên

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND TP. Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- UBND phường Phú Đông, TP. Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ngọc Uyên